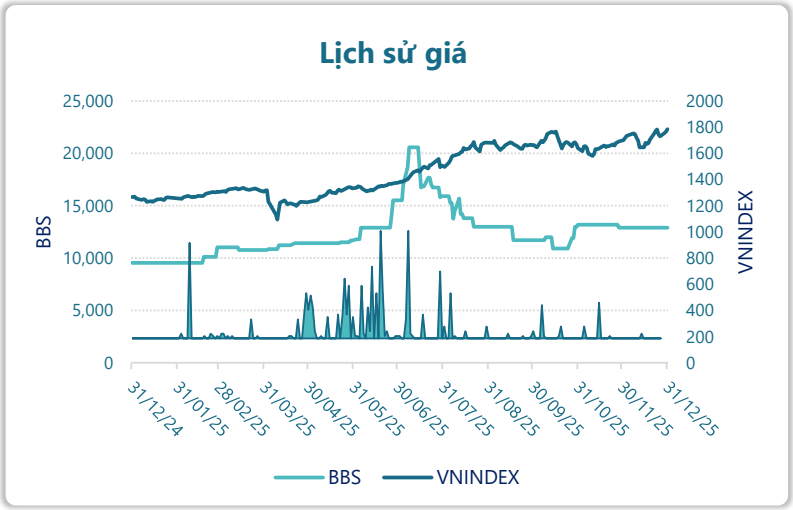
FireAnt

CTCP VICEM Bao bì Bút Sơn (HNX: BBS)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,581
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,542
SL cổ phiếu LH	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
P/E	10.9
EPS	1,184

DT thuần

Q4/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0| -10.9%

YoY: ▲ 1.00| 0.6%

LN sau thuế

Q4/25

2.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.40| 21.6%

YoY: ▲ 0.77| 51.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.5%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2025

450

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 94.0| 26.7%

LN sau thuế

2025

7.11

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.92| 14.8%

ROE

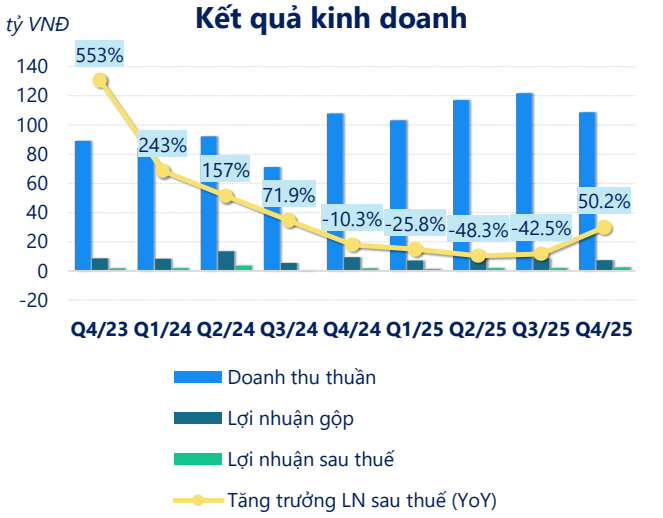
2025

6.6%

+/- YoY: ▲ 0.8%

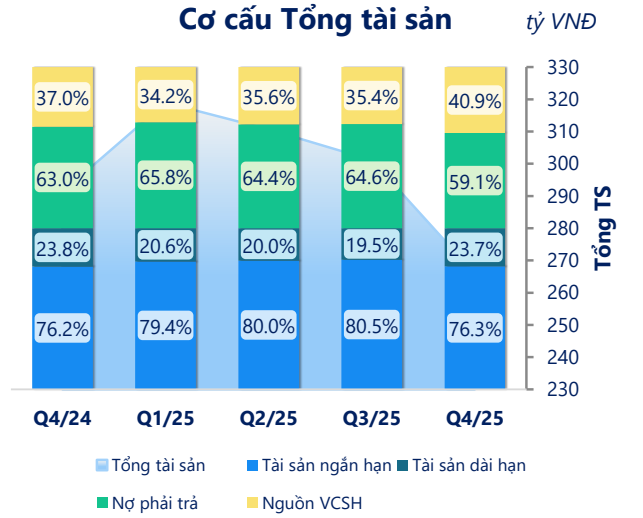
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



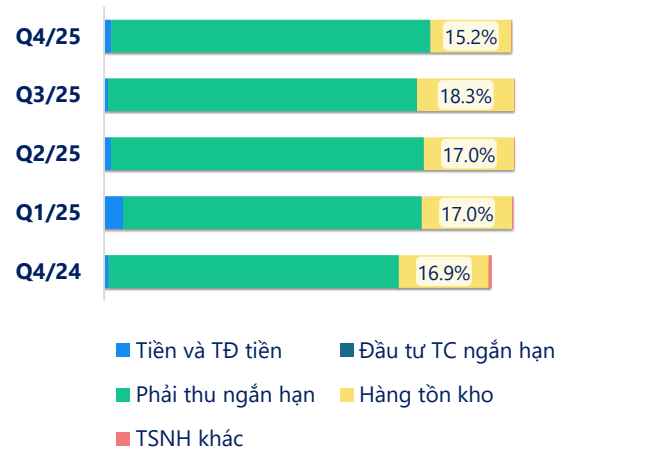
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



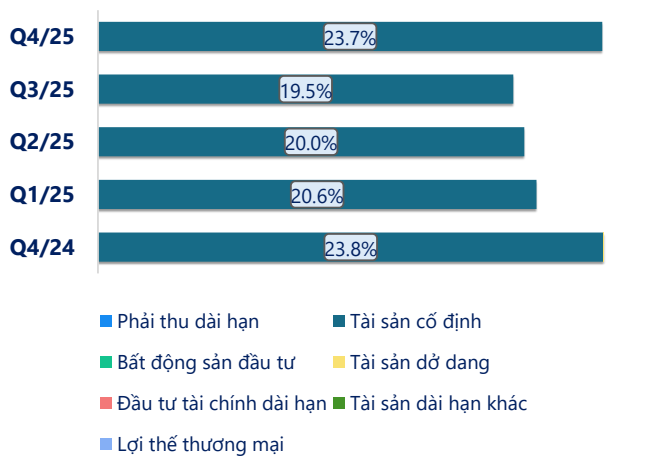
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



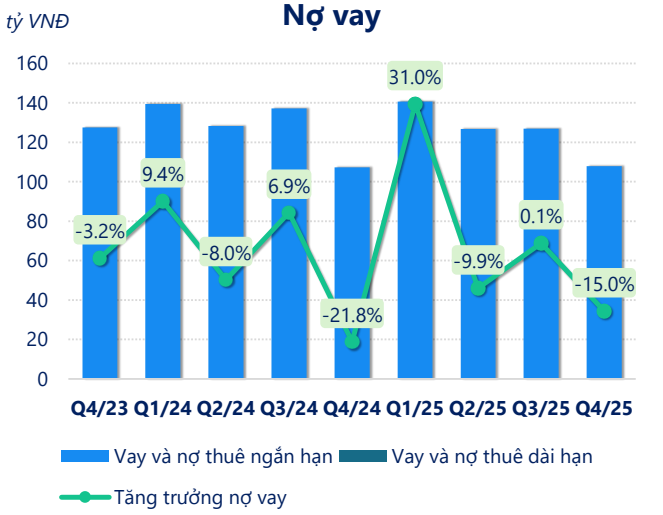
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



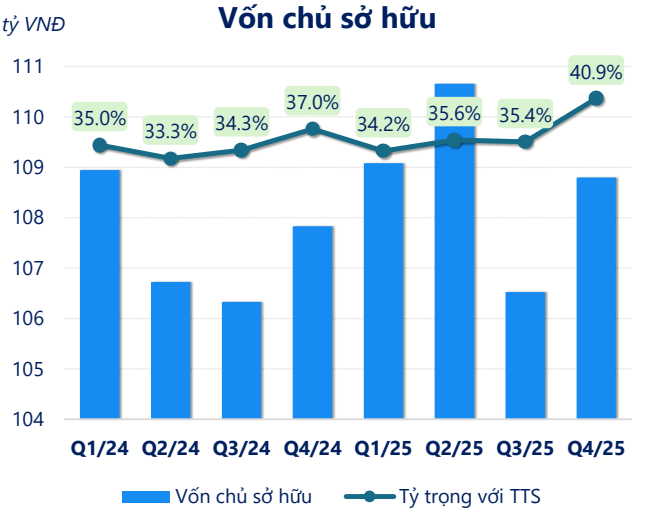
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



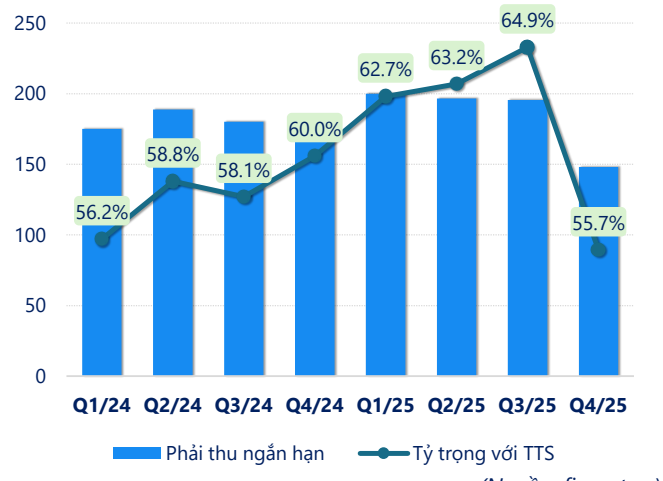
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



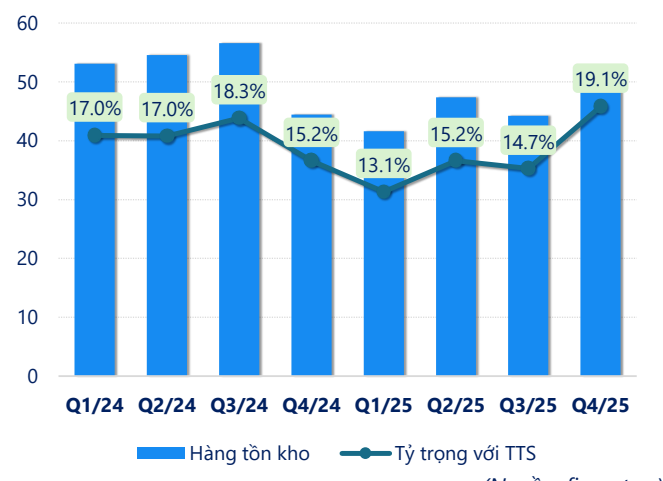
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



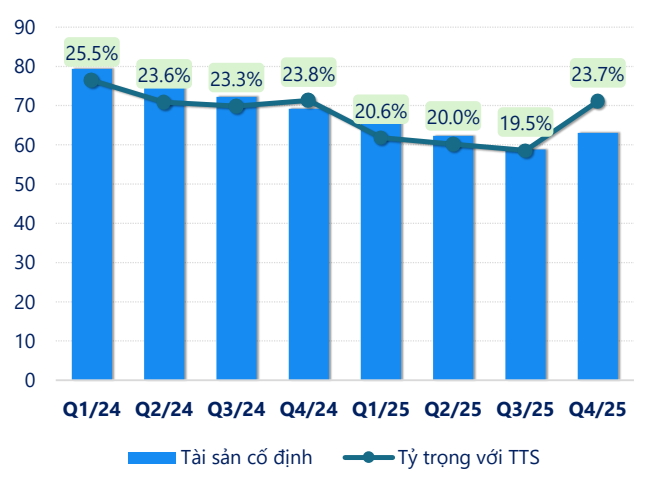
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



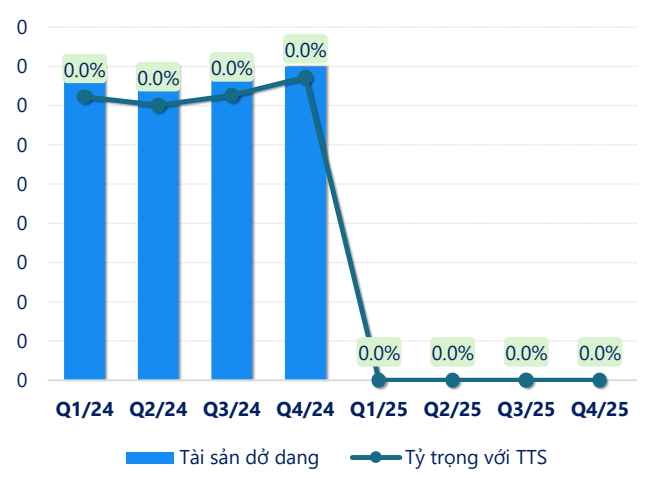
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



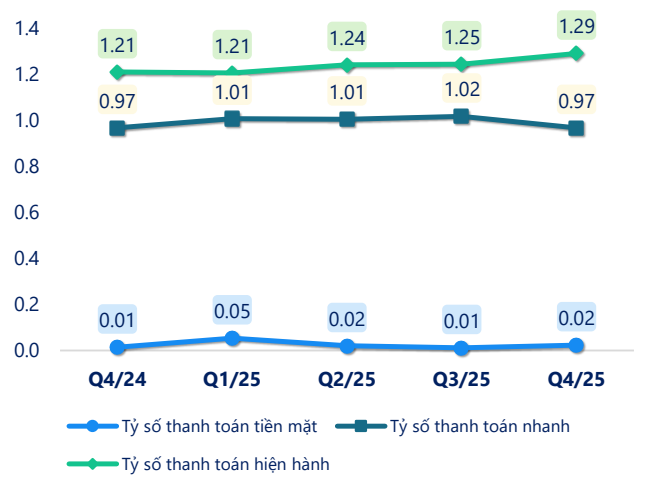
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



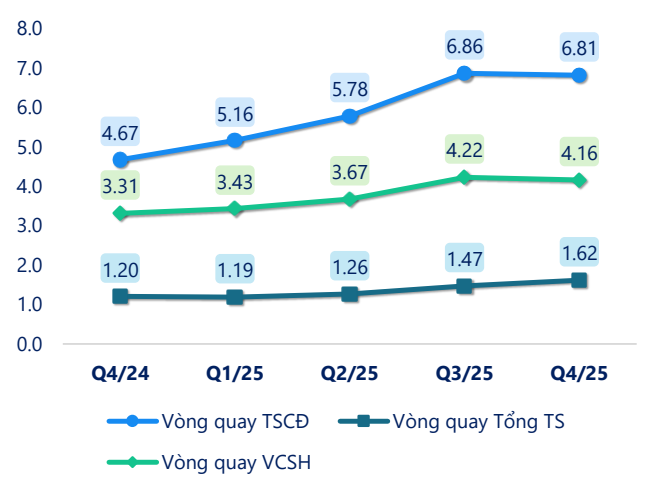
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**291**	**319**	**311**	**301**	**266**
Tài sản ngắn hạn	**222**	**253**	**248**	**242**	**203**
Tiền và tương đương tiền	2.50	11.3	4.02	2.26	3.71
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	175	200	196	195	148
Hàng tồn kho	44.4	41.6	47.4	44.3	50.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.42	0.41	0.55	0.37	0.27
Tài sản dài hạn	**69.2**	**65.7**	**62.3**	**58.8**	**63.0**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	69.2	65.7	62.3	58.8	63.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.00	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**183**	**210**	**200**	**195**	**157**
Nợ ngắn hạn	**183**	**210**	**200**	**195**	**157**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	107	141	127	127	108
Phải trả người bán ngắn hạn	53.9	53.7	58.0	48.3	32.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**108**	**109**	**111**	**107**	**109**
Vốn chủ sở hữu	**108**	**109**	**111**	**107**	**109**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	60.0	60.0	60.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)